

Bảo tồn văn hóa dân gian Cơ Tu
huyện Hòa Vang,
thành phố Đà Nẵng

HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIAN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

BẢO TỒN
VĂN HÓA DÂN GIAN CƠ TU
HUYỆN HÒA VANG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG - 2019

NHÓM BIÊN SOẠN

Chủ biên

Võ Văn Hòe - Đinh Thị Hựu

Các thành viên

Văn Thu Bích

Hoàng Hà Giang

Đỗ Thị Diệu Hà

Trần Hồng

Nguyễn Đăng Hựu

Trịnh Tuấn Khanh

Nguyễn Thanh Sinh

Nguyễn Thiện Tâm

Đỗ Thanh Tân

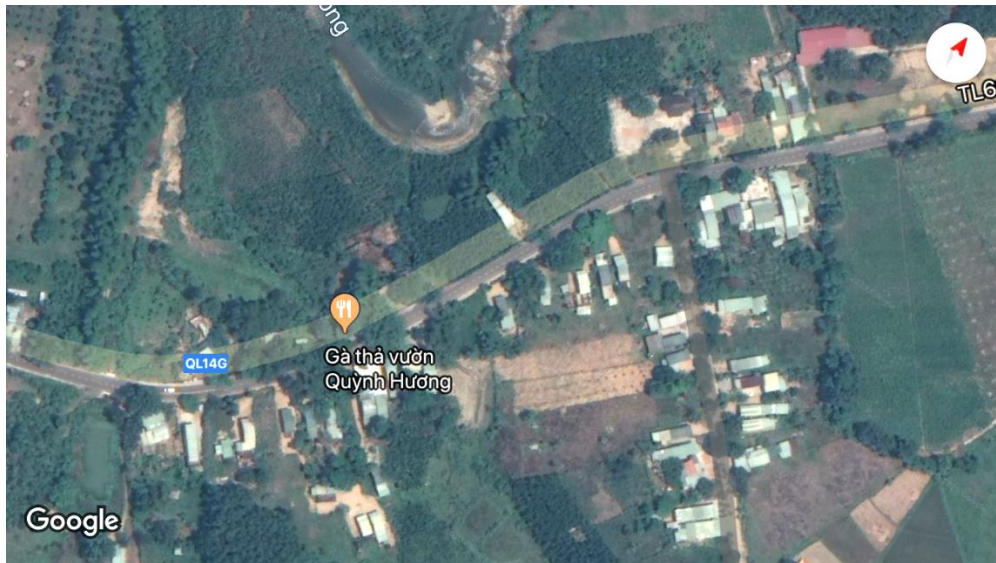
Nguyễn Thuận

Huỳnh Viết Tư

Hồ Văn Xoa



Bản đồ hành chính huyện Hòa Vang



Thôn Phú Túc (A: Google maps)



Thôn Tà Lang & Giàn Bí (A: Google maps)

Lời giới thiệu

BẢO TỒN VĂN HÓA DÂN GIÀN CƠTU ***NHÌN TỪ MỘT CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU***

Cơ Tu là một tộc người bản địa có mặt sớm trên địa bàn miền núi Đà Nẵng hiện nay. Tuy số lượng không nhiều, khoảng một nghìn rưỡi¹ người nhưng do vẫn nằm trong khu vực cư trú tập trung của tộc người Cơ Tu ở Quảng Nam - khoảng bốn vạn rưỡi người, và ở Thừa Thiên Huế - khoảng một vạn rưỡi người, chưa kể khoảng một vạn rưỡi người Cơ Tu nữa bên kia biên giới Việt - Lào, sống chủ yếu ở thượng nguồn sông Sekong, nên cộng đồng người Cơ Tu trên địa bàn miền núi Đà Nẵng có nhu cầu và điều kiện để bảo tồn văn hóa nói chung và văn hóa dân gian nói riêng; đồng thời cũng đang phải đối mặt với những thách thức không dễ vượt qua trong quá trình bảo tồn các giá trị văn hóa độc đáo của tộc người mình. Và cũng chính vì thế, nghiên cứu văn hóa dân

¹ Theo số liệu thống kê của UBND huyện Hòa Vang, năm 2015, trên địa bàn Hòa Vang có khoảng 1.488 người Cơ Tu, trong đó xã Hòa Phú có 488 người, xã Hòa Bắc có 1.000 người.

gian của cộng đồng người Cơ Tu trên địa bàn miền núi Đà Nẵng không thể tách rời việc nghiên cứu văn hóa dân gian của cả tộc người Cơ Tu, trước hết là của cộng đồng người Cơ Tu đất Quảng.

Cuốn sách *Bảo tồn văn hóa dân gian Cơ Tu huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng* của Hội Văn nghệ dân gian thành phố Đà Nẵng là một đóng góp rất có ý nghĩa, bởi vấn đề bảo tồn văn hóa nói chung và văn hóa dân gian nói riêng của cả tộc người Cơ Tu và của cộng đồng người Cơ Tu đất Quảng được xem là cấp thiết trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay. Đối với các xã miền núi huyện Hòa Vang, vấn đề càng trở nên cấp thiết hơn không chỉ bởi Hòa Vang là điểm cư trú dưới cùng/ sát biên của nhóm Cơ Tu vùng thấp “*vốn là chủ nhân lâu đời của vùng núi rừng rộng lớn trải dài từ thượng nguồn xuống tận đồng bằng, duyên hải (...) là nhóm có quá trình giao lưu tiếp xúc với xã hội hiện đại từ lâu và diễn ra khá mạnh; đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội của họ có nhiều biến đổi, trong đó, đáng lưu ý là sự mai một các giá trị truyền thống tộc người*”², mà còn bởi cộng đồng người Cơ Tu các xã miền núi huyện Hòa Vang có số lượng quá ít - được xem là một bất lợi trong quá trình bảo tồn văn hóa cổ truyền so với các cộng đồng người Cơ Tu có số lượng đông.

² Xem: Lê Anh Tuấn, Trần Đức Sáng, Trần Đức Anh Sơn (2011), *Biến đổi văn hóa tộc người trong bối cảnh phát triển đô thị ở Đà Nẵng (Qua nghiên cứu cộng đồng người Katu ở huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng)*, Tạp chí Phát triển Kinh tế-Xã hội Đà Nẵng.

Cuốn sách *Bảo tồn văn hóa dân gian Cơ Tu huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng* đề cập nhiều lĩnh vực văn hóa và văn nghệ dân gian của tộc người bản địa này. Các tác giả đã tiến hành nhiều cuộc điền dã ở ba thôn: Phú Túc (Hòa Phú) Tà Lang và Giàn Bí (Hòa Bắc) để sưu tầm về Văn hóa dân gian Cơ Tu - tập trung vào di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia của cộng đồng người Cơ Tu đất Quảng vừa được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận hồi năm 2014 nhất là điệu múa *tung tung da dá*; đặc biệt là để sưu tầm tư liệu về văn học dân gian. Đọc cuốn sách *Bảo tồn văn hóa dân gian Cơ Tu huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng*, người đọc có thể tìm thấy một số thông tin về truyện kể dân gian vừa rất quen vừa rất lạ và thậm chí vì lạ mà dễ có khả năng gây sốc, như câu chuyện về dòng họ Zorâm...

Thực ra trong folklore học ở đất Quảng mấy năm gần đây, câu chuyện này không mới. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Tri Hùng, “*Từ rất xa xưa, người Cơ Tu đã có một hệ thống thân tộc, thích tộc rất rõ ràng*” và điều này dẫn đến sự phong phú của truyện kể dân gian Cơ Tu, bởi “*một dòng họ, tộc họ đều có một sự tích, câu chuyện cổ hình thành nên tên gọi của dòng họ, tộc họ của mình*”, chẳng hạn “*người Cơ Tu có dòng họ Zorâm cho mình là dòng họ “con chó” bởi từ sự tích cội nguồn từ chuyện xa xưa trời mưa, lũ lụt nước dâng ngập hết núi rừng, chỉ còn một ngọn núi và trên ấy có một người đàn bà và một con chó sống sót, sau đó họ lấy nhau*

và sinh ra con cháu như bây giờ; nhớ chuyện xa xưa ấy, họ đặt mình là dòng họ Zorâm”¹.

Cũng xin nói thêm, truyện kể dân gian của người Kinh mới sáng tác sau khi vào vùng đất mới để quảng-nam-mở-cõi nhìn chung ít có yếu tố thần kỳ hoang đường. Đây là điều dễ hiểu, vì thật ra ở thời điểm sáng tác sớm nhất là từ cuối thế kỷ XIV trở đi, các tác giả truyện kể dân gian người Kinh ở đất Quảng khó có thể giữ được tính chất nguyên sơ của tư duy folklore như ông cha thuở trước - tuy nhiên nếu đọc kỹ thì thi thoảng vẫn có thể bắt gặp một vài chi tiết thần kỳ thấm đẫm chất thơ thuần phác. Chẳng hạn chi tiết tấm da ngựa si tình bất thần quấn chặt lấy cô tiểu thư xinh đẹp bay bổng lên ngọn cây cao trong *Sự tích con tằm* có thể sánh ngang với những chi tiết nghệ thuật đặc sắc nhất của truyện kể dân gian Việt Nam². Huống chi với một tộc người bản địa cư trú lâu đời như người Cơ Tu, những câu chuyện mang đậm màu sắc thần kỳ hoang đường như câu chuyện về dòng họ Zorâm nêu trên có lẽ cũng là điều bình thường...

Phần đóng góp đáng kể của các tác giả cuốn sách *Bảo tồn văn hóa dân gian Cơ Tu huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng* là qua phục dựng toàn cảnh sinh hoạt văn hóa dân gian của người Cơ Tu ở xã Hòa Bắc, đã nêu lên khá xác đáng thực trạng bảo tồn/nguy cơ mai một, và đáng kể hơn là đã đề ra mấy giải pháp bảo tồn các

¹ Nguyễn Tri Hùng, *Góc gác dòng họ Cơ Tu*, Báo Quảng Nam điện tử, ngày Chủ Nhật, 01/03/2015

² Xem thêm: Bùi Văn Tiêng, *Văn hóa, văn nghệ dân gian đất Quảng dưới góc nhìn đương đại*, NXB. Đà Nẵng, 2015, trang 14, 15.

giá trị văn hóa độc đáo của tộc người bản địa này. Giải pháp bảo tồn được xem căn cơ nhất mà các tác giả gợi ý là nỗ lực đưa văn học dân gian Cơ Tu vào dạy-học theo chương trình văn học địa phương trong trường phổ thông ở Hòa Bắc và Hòa Phú. Đương nhiên các trường phổ thông ở Hòa Bắc và Hòa Phú còn có thể kết hợp dạy nói lý/hát lý - cũng là một kiểu Quảng Nam hay cải, hoặc dạy đánh cồng chiêng, dạy múa *tâng tung-ya yă* và trang bị những tri thức dân gian cổ truyền cho học sinh người Cơ Tu và không chỉ học sinh người Cơ Tu ...

Cách đây gần mười lăm năm, GS. Kaj Arhem đến từ Trường Đại học Gotenborg Thụy Điển đã phát biểu rằng: “*Trên thế giới, cho đến thế kỷ XXI này, vẫn còn nhiều thiếu hiểu biết về người Cơ Tu ở Việt Nam, và họ vẫn tiếp tục nhìn tộc người này qua con mắt của người lính Pháp mang tên Le Pichon trong cuốn Les chasseurs de sang - Những người săn máu công bố năm 1938 trên số 20 của Tạp chí BAVH - Những người bạn Huế xưa. Tôi không nghĩ rằng mọi việc lại có thể như vậy. Và tôi đến Việt Nam*”³. Rõ ràng văn hóa dân gian của cả tộc người Cơ Tu nói chung và của cộng đồng người Cơ Tu đất Quảng cũng như của cộng đồng người Cơ Tu trên địa bàn miền núi Đà Nẵng nói riêng, vẫn là một lĩnh vực nghiên cứu chưa có nhiều thành tựu. Chính vì thế hy vọng cuốn sách *Bảo tồn văn hóa dân gian Cơ Tu huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng* sẽ đặt được một dấu mốc mới trên tiến trình nghiên cứu lĩnh vực này còn chưa được quan tâm đúng mức này.

³ Xem Võ Thị Hảo, *Cuộc khám phá của Giáo sư Kaj Arhem: “Gặp những người vào rừng với chiếc lá thần trên tay”*, Báo Thanh Niên ngày 10/01/2005.

Với niềm hy vọng ấy, tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn sách *Bảo tồn văn hóa dân gian Cơ Tu huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng* với đông đảo bạn đọc gần xa./.

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 5 năm 2019

Bùi Văn Tiếng⁴

Lời nói đầu

Hòa Vang là huyện nông thôn duy nhất của thành phố Đà Nẵng. Hòa Vang cũng là huyện duy nhất của thành phố Đà Nẵng có xã miền núi. Những tính chất đặc thù đó đã tạo cho Hòa Vang

⁴ Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật thành phố Đà Nẵng.

những đặc điểm cơ bản cần lưu ý trong chương trình *Xây dựng nông thôn mới Hòa Vang*.

Hiện nay Hòa Vang có hai xã miền núi là Hòa Phú và Hoà Bắc, có đồng bào Cơ Tu sinh sống. Đây là hai xã miền núi nhưng lại nằm không xa khu đô thị trung tâm của thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình thiên di lịch sử, người Cơ Tu đã du canh du cư theo hướng Tây – Nam, từ cao xuống thấp và đến đây họ đã định cư. Bộ phận người Cơ Tu ở hai xã này là nhóm người hướng xuống đồng bằng và tiến về phía biển gần nhất. Chính vì thế mà họ cũng chịu sự tác động mạnh mẽ nhất của công cuộc đô thị hóa Đà Nẵng.

Bảo tồn văn hóa dân gian Cơ Tu là một vấn đề vừa mang tính cấp thiết vừa mang tính lâu dài. Việc nghiên cứu văn hóa dân gian các dân tộc của nước ta đến nay đã có những thành tựu rất đáng tự hào, trong thành tựu đó nghiên cứu văn hóa dân gian các dân tộc ít người ở Quảng Nam, Đà Nẵng cũng đã được tiến hành ngay từ sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng và đến nay đã có những thành tựu đáng trân trọng.

Thấy được tầm quan trọng của công tác bảo tồn văn hóa dân gian Cơ Tu trên địa bàn huyện Hòa Vang, những năm gần đây các nhà quản lý nhà nước và quản lý văn hóa của huyện Hòa Vang đã rất quan tâm và đã tiến hành một số công việc cụ thể như: Khôi phục nghề dệt thổ cẩm, nghề điêu khắc nghệ thuật cho học sinh tập lại các điệu múa *Tăng tung Ya Yá*, khuyến khích du lịch cộng đồng,...

Tuy nhiên, để công tác bảo tồn có hiệu quả tốt nhất cần phải có sự chung tay góp sức của cả cộng đồng từ những nhà quản lí nhà nước, quản lí văn hóa và đến các nhà nghiên cứu văn hóa địa phương, đặc biệt là phải khơi dậy lòng yêu dân tộc, yêu những giá trị truyền thống quý báu của cha ông để lại trong lòng người CơTu thì công cuộc bảo tồn mới mong có kết quả tốt đẹp.

Trong công trình này chúng tôi xác định đối tượng nghiên cứu chính là những người Cơ Tu đang sống trên hai xã Hòa Phú và Hòa Bắc thuộc huyện Hòa Vang. Đồng thời chúng ta cũng tìm về cội nguồn, gắn kết nhóm người Cơ Tu thấp này, trong mối quan hệ với người Cơ Tu trung và người Cơ Tu cao ở miền núi Quảng Nam.

Hiện nay, tộc người Cơ Tu được các nhà nghiên cứu thể hiện nhiều cách viết khác nhau: Katu, Ka tu, K'tu, C'tu, Cơ Tu, Cờ tu. Trong sách này, nhóm chúng tôi thống nhất viết Cơ Tu để gọi tên tộc người này.

Thực hiện công trình chúng tôi đã áp dụng các phương pháp nghiên cứu chính là:

Phương pháp điền dã: Điều tra, sưu tầm, thu thập tư liệu trên địa bàn Hòa Phú và Hòa Bắc.

Phương pháp hệ thống: Thống kê và sắp xếp, sưu tập tư liệu.

Phương pháp nghiên cứu liên ngành.

Phương pháp loại hình.

Phương pháp phân tích, tổng hợp

Mặc dù phạm vi của khảo sát đề tài là hẹp nhưng đây là một đề tài về văn hóa dân gian của một dân tộc nên vấn đề đặt ra lại quá rộng. Trong một thời gian ngắn, chúng tôi chưa thể hoàn chỉnh đề tài một cách thấu đáo đầy đủ. Trên con đường "*Xây dựng một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc*", chúng ta cần chú tâm giữ gìn bản sắc văn hóa của các dân tộc ít người để làm giàu thêm cho bản sắc văn hóa dân tộc Việt.

Để hoàn thành đề tài này, Hội Văn nghệ Dân gian thành phố Đà Nẵng xin chân thành cảm ơn Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang, Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật thành phố Đà Nẵng, các nhà nghiên cứu, các nghệ nhân dân gian người Cơ Tu và bà con ở ba thôn Phú Túc (Hóa Phú), Tà Lang và Giàn Bí (Hòa Bắc) đã tận tình giúp đỡ để chúng tôi hoàn thành đề tài này.

**HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIAN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

PHẦN I

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGƯỜI CƠ TU HUYỆN HÒA VANG

1. Địa bàn cư trú người Cơ Tu

Đà Nẵng là thành phố trực thuộc trung ương, có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự, trong vai trò đầu tàu của “Hành lang Kinh tế Đông - Tây” và của miền Trung - Tây Nguyên. Hòa Vang là một huyện ngoại thành nắm giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển phía tây của thành phố, nơi đây có 3 cộng đồng người Cơtu cư trú ở 3 thôn: Phú Túc (xã Hòa Phú), Giàn Bí và Tà Lang (xã Hòa Bắc). Đây là các cộng đồng người thiểu số sinh tụ trong một đô thị lớn, một trung tâm kinh tế - văn hóa của khu vực miền Trung - Tây Nguyên.⁵

⁵ Theo báo cáo kết quả điều tra, khảo sát tình hình đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng của Ban Tôn giáo thành phố Đà Nẵng thì đến thời điểm tháng 12 năm 2014 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có 19 thành phần dân tộc gồm:

Huyện Hoà Vang nằm bao bọc quanh phía Tây khu vực nội thành của thành phố Đà Nẵng, có tọa độ từ 15⁰55' đến 16⁰13' độ vĩ Bắc và 107⁰49' đến 108⁰13' độ kinh Đông.

Phía Bắc giáp: Các huyện Nam Đông, A Lưới và Phú Lộc của tỉnh Thừa Thiên Huế

Phía Nam giáp: Hai huyện Điện Bàn, Đại Lộc của tỉnh Quảng Nam;

Phía Đông giáp: Quận Cẩm Lệ, quận Liên Chiểu của thành phố Đà Nẵng

Phía Tây giáp: Huyện Đông Giang của tỉnh Quảng Nam;

Huyện Hoà Vang là huyện nông nghiệp của thành phố Đà Nẵng, diện tích đất tự nhiên là 73.488,0 ha chiếm 74,8% diện tích của thành phố Đà Nẵng, trong đó Đất nông nghiệp 65.316 ha ⁶, đất phi nông nghiệp 7.271 ha và đất chưa sử dụng 901,7 ha. Toàn

Hoa, Cơ Tu, Tày, Thái, Khơ me, Mường, Nùng, H-rê, Chăm, Sán-dìu, Gia-rai, Dao, Vân Kiều, Xơ Đăng, Thổ, Giẻ Triêng, Ê-đê, Cho-ro và Cor. Với 1.514 hộ và 3.999 nhân khẩu. (Số liệu thống kê tại Báo cáo số 502/BTG-DTTN ngày 03/12/2014 của Ban Tôn giáo thành phố Đà Nẵng). Như vậy so với số dân 1.046.876 người của toàn thành phố tại thời điểm tháng 01/2015 thì các thành phần dân tộc thiểu số chỉ chiếm **0,382 %** dân số toàn thành phố (3.999 khẩu/1.046.876 khẩu). Đây là mức cực thấp. Trong 19 thành phần dân tộc trên toàn địa bàn thành phố thì các tộc người Hoa và Cơ-tu chiếm vị trí chủ đạo với tỷ lệ dân số lần lượt là: **59,23%** (2.369 khẩu/3.999 khẩu) và **28,3%** (1.132 khẩu/3.999 khẩu); 17 thành phần dân tộc còn lại chỉ chiếm **12,47 %** (498 khẩu/3.999 khẩu) trong đó chỉ có 03 thành phần là Thái (143 khẩu), Mường (103 khẩu) và Nùng (108 khẩu) là có dân số trên 100 người còn lại 14 thành phần chỉ có dân số từ vài khẩu đến vài chục nhân khẩu. (Xem: Báo cáo Khảo sát tình hình dân tộc và công tác dân tộc trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, tháng 4/2015).

⁶ Đất trồng cây hằng năm: 4.680,13 ha; đất trồng cây lâu năm: 1.310,02 ha; đất lâm nghiệp: 50.938,99 ha; đất nuôi trồng thủy sản: 109,49 ha.

huyện có 11 xã với 119 thôn, trong đó có 3 xã đồng bằng, 4 xã trung du, 4 xã miền núi, dân số 124.844 người, mật độ dân số 172 người/km², Huyện có 03 thôn với gần 1.000 đồng bào dân tộc Cotu (thôn Tà Lang, Giàn Bí (xã Hòa Bắc), thôn Phú Túc (xã Hòa Phú)) và 01 thôn người Hoa sinh sống (thôn Trung Nghĩa, Hòa Ninh).⁷

2. Điều kiện tự nhiên

Với lát cắt địa hình theo chiều dọc, cho thấy địa bàn cư trú của người Cơ Tu thuộc các thôn Tà Lang, Giàn Bí (xã Hòa Bắc), thôn Phú Túc (xã Hòa Phú) đều thuộc huyện Hòa Vang nên người Cơ Tu ở đây được cho là địa bàn cư trú của Cơ Tu ếp (vùng thấp). Đây là nhóm trong quá trình di trú và định cư gần biển. Do địa bàn cư trú gần biển, theo đó, trong quá trình phát triển, người Cơ Tu tại Hòa Vang đã từng bước thiết lập mối quan hệ nhiều mặt với người Kinh và có phần khác so với người Cơ Tu tại các huyện vùng cao của tỉnh Quảng Nam: Nam Giang, Tây Giang và Đông Giang. Và vì thế nên người Cơ Tu ở tại hai xã cánh tây huyện Hòa Vang sớm tiếp cận với đô thị hiện đại. Bởi địa bàn cư trú của họ thuộc thành phố Đà Nẵng - một thành phố hiện đại đang trong quá trình phát triển toàn diện kinh tế, văn hóa, xã hội - theo đó các mối quan hệ kinh tế, xã hội đã có sự thâm nhập lẫn nhau mà phần vượt trội là sự thâm nhập văn hóa người Kinh; đồng thời quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đã tạo nên lực hút tiếp thu mạnh mẽ từ cơ sở hạ tầng đến kiến trúc thượng tầng, trong đó văn hóa đóng vai trò quan trọng tại địa bàn này.

⁷ Báo cáo *Kết quả thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (giai đoạn 2010-2015)*, của Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang, tháng 9/ 2015.

3. Tổ chức xã hội

Đối với người Cơ Tu, làng là đơn vị xã hội cao nhất, bởi làng người Cơ Tu luôn khép kín. Mọi hoạt động từ kinh tế, văn hóa, xã hội có liên quan đến thành viên đều chỉ diễn ra trong phạm vi làng.

Trong một làng người Cơ Tu, tổ chức xã hội của họ do luật tục quy định tuy rằng xưa kia họ chưa có chữ viết để ghi chép, song đó là loại quy định bất thành văn nhưng có tác dụng nghiêm ngặt để duy trì cộng đồng làng.

Trong một làng (vêl) trước hết là Hội đồng già làng. Hội đồng bao gồm các cụ già mỗi dòng họ, số lượng người không quy định, hễ cứ ai là trưởng một họ được tham gia vào hội đồng này. Chức năng của Hội đồng già làng là đưa ra những đề nghị quan trọng liên quan đến làng, giúp cho chủ làng dựa trên luật tục và phong tục, tập quán của làng mà đưa ra quyết định phù hợp với thực tiễn.

Sau Hội đồng già làng là chủ làng (người Kinh quen gọi già làng). Chủ làng là quan trọng, luôn là người có uy tín trong cộng đồng, được cộng đồng chấp thuận. Là người đứng đầu một làng, người đại diện dân làng, am hiểu và nắm giữ, hướng dẫn, thực hành phong tục, tập quán, sinh hoạt cộng đồng làng ...của các thành viên trong làng. Già làng nắm giữ luật tục, là công cụ để quản lý, điều hành mọi hoạt động của làng, đến từng thành viên trong làng. Thế nên vai trò của già làng rất quan trọng trong tổ chức xã hội cổ truyền tộc người Cơ Tu. Người đứng đầu làng

đồng thời cũng là thủ lĩnh tinh thần, có khả năng tập hợp dân làng và thực hành chức năng các tập tục gắn với cộng đồng làng. Theo đó, các nghi lễ từ cộng đồng đến mỗi cá thể trong cộng đồng đều gắn chặt với cộng đồng làng và do già làng điều khiển, trong đó sự tham gia vào tín ngưỡng của người dân trong làng là quan trọng để duy trì một xã hội thu nhỏ. Chủ làng khó tách rời ra khỏi hệ thống lệ tục do luật tục và Hội đồng làng quy định nên. Tại gươl, chủ làng đưa ra một hay nhiều quyết định nghiêm ngặt liên quan đến sự tồn vong của cộng đồng làng, quyết định này phải được thực thi nghiêm khắc. Như các trường hợp chiến đấu bảo vệ làng, hay việc gặp phải bệnh dịch chết người, chủ làng quyết định dời làng. Quyết định này tất phải được thực thi, bởi cơ sở để đưa ra quyết định luôn tuân thủ theo sự đồng thuận của yang, thông qua một số hình thức biểu hiện.

Các tộc người vùng cao miền tây tỉnh Quảng Nam như tộc người Ca dong, Xơ đăng, Cor, Ve,... vị già làng cũng có vai trò quan trọng trong một làng như thế.

Đứng thứ ba trong tổ chức xã hội người Cơ Tu là người nói-hát lý. Vị này thay mặt cho Hội đồng già làng, Chủ làng quan hệ đối đáp với các làng lân cận trong phạm vi có thể được. Bằng nhiều phương tiện và công cụ hiện có của làng: rượu cần, các loại thực phẩm quý hiếm,... đến các loại nhạc cụ,... được sử dụng để nói - hát lý với người đại diện ngoài làng hoặc một sự việc nào đó có tranh chấp trong nội bộ làng. Những cuộc nói - hát lý luôn đặt mục tiêu hòa giải để quyết định. Những tranh chấp ranh giới, khu

rừng, khu sản xuất, khu săn bắt, các vụ hôn nhân ngoài làng do người có năng lực nói-hát lý trao đổi nhau khi cần thiết. Thời nay quan hệ hôn nhân ngoài làng thường xảy ra, còn xưa kia tuyệt nhiên không có hôn nhân vượt ra ngoài như thế.

Và người thứ tư là người đại diện và đứng đầu cho các các chiến binh làng, tức người nắm giữ sức mạnh của làng (quân sự). Là vì người nắm giữ sức mạnh của làng nên người này phải mạnh khỏe, thông thạo đường rừng, biết sử dụng các loại cung tên, giáo mác, liềm rựa và phải có chiến công trong săn bắt và trong những cuộc chiến đấu bảo vệ làng. Đây được xem là người đứng đầu cho sức mạnh của làng, được trai tráng trong làng tin cậy và bầu lên nắm giữ vai trò này. Hình tượng người anh hùng trong các trường ca của các tộc người Ê Đê, Ba Na,... ở Tây Nguyên là những người như thế, có năng lực chỉ huy và sử dụng sức mạnh, sự khôn khéo trong ứng xử để bảo vệ buôn làng.



*Một vị già làng
(Ảnh: Le Pichon, trong Les chasseurs de
sang tháng 4/1938)*

Trong một làng Cơ Tu, ngôi nhà gươl được thiết trí giữa làng, là ngôi nhà chung - nhà cộng đồng - nơi diễn ra nhiều sự kiện quan trọng liên quan đến cộng đồng. Từ lễ đâm trâu, lễ mừng lúa mới, lễ kết nghĩa ăn thề anh em với các làng lân cận,... đều diễn ra tại nhà gươl. Đồng thời nhà gươl là nơi giao tiếp giữa con người với thần linh thông qua cây cột lễ. Cây cột lễ là biểu tượng giao tiếp



giữa phần dưới đất (âm) - người (mặt đất) và thần trời (yang). Cột lễ như là sự liên kết thế giới con người, với trời, với yang (lực lượng siêu nhiên luôn nắm giữ quyền uy tuyệt đối), ở đó người Cơ Tu muốn nhắm đến tìm kiếm ân huệ, sự giúp đỡ của yang đối với các thành viên trong làng có được cuộc sống no đủ, không bệnh tật.

Góc một ngôi làng tại xã A Ting, Cơ Tu năm 1938 (Ảnh : Champrosay, trong Les chasseurs de sang)

Quan hệ giữa gia đình và cộng đồng thể hiện qua việc hành chức các tập tục, nghi lễ gắn với cộng đồng và gia đình. Những sinh hoạt thường ngày liên quan đến lễ nghi đề đạt nguyện vọng đến với thần linh đều được nghiêm túc thực hiện tại không gian thiêng của nhà gươl. Nếu như thời xưa, ngôi đình làng của người

Kinh là nơi diễn ra các tín ngưỡng dân gian, nơi họp hành, bàn bạc việc làng, nơi hằng năm tổ chức lễ cầu an cho dân làng, nơi xét xử những vụ án dân sự, nơi điều chỉnh các hành vi vi phạm phong tục tập quán của làng đều phải được tiến hành tại đình làng. Ở đó các thành viên làng gửi lời nguyện cầu đến thần linh chứng giám và ghi nhận các hoạt động của người dân trong làng thì đối với tộc người Cơ Tu, nhà gươl có chức năng tương đương như thế. Gươl là nơi các thành viên trong làng thực hiện nghi lễ tín ngưỡng dân gian mang sắc thái tâm linh với nhiều yếu tố tượng trưng phong phú về cuộc đời, về cộng đồng. Cho nên nhà gươl đối với người Cơ Tu là điểm Hội đồng già làng họp bàn đưa ra những quyết định liên quan đến sự sống còn của làng, cả đến hoạt động của các chiến binh trong làng để bảo vệ người dân của làng. Tại nhà gươl chủ làng thường đưa ra những quyết định hệ trọng.

Ngôi làng truyền thống của người Cơ Tu cấu trúc theo hình bầu dục, thẳng có cấu trúc hình tròn, trung tâm làng là nhà gươl. Để lập nên làng, không phải hễ đâu thuận lợi gần suối, gần sông là chọn đất lập làng. Việc lập làng, tại một vị trí địa lý thuận lợi hay không để lập thành ngôi làng chung đều do thần linh quyết định. Thần ở đây theo cách nói của người kinh, còn người Cơ Tu gọi là yang/giàng. Chọn đất là một quá trình khắt khe bởi có sự trường tồn hay bị diệt vong đều quy ra do việc chọn đất lập làng và quy dân đến sinh sống. Chọn làng xong, còn phải chọn đất trong làng để dựng nhà. Trước 1975 đây là điều quy định chặt chẽ mà bất cứ một thành viên nào trong làng đều phải tuân thủ. Thần không cho xem như không được chọn, cho dù con người hiện thực

có ưng thích miếng đất này thế nào đi nữa, cũng phải không để mắt đến do yang không cho. Vị trí nhà gươl chọn xong đến lượt nhà của các thành viên trong làng, nhà ở thường bố trí cận kề nhau, liên kết nên hình thuần ovale, đôi khi, thảng có làng cấu trúc hình tròn, nhưng ít. Nhà gươl hay nhà ở của các thành viên có cấu trúc giống nhau, mái nhà thẳng xuôi xuống tạo thành hình ovale mái liền mái không góc cạnh. Mái nhà kéo đến gần sàn nhà nên trông ngôi nhà thấp. Nhà gươl bố trí giữa làng cũng có thiết kế như vậy nhưng lớn hơn cả bề rộng và bề dài. Trước sân nhà gươl luôn có cây nêu của mùa lễ hội năm trước còn để lại.

...

(Mời xem: Hội Văn nghệ dân gian thành phố Đà Nẵng, Võ Văn Hòe – Đinh Thị Hựu (2019) Chủ biên & các tác giả, Bảo tồn văn hóa dân gian Cơ Tu huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, NXB Đà Nẵng).
